TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022.
V/v: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Tý;

2. Bà Lường Thị Hoàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa*: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23/6/2022 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần hai) số: 32/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn G, xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hà Tiến L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn G, xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày: Chị T và anh Hà Tiến L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 10/4/2015 tại UBND xã S, huyện V (nay thuộc thị xã N). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn G, xã S, thị xã N. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do tính cách, quan điểm sống hai bên không hợp nhau, anh L có có biểu hiện chơi bời, không tu chí làm ăn, còn chị T đi làm ăn xa nhà, không có thời gian quan tâm đến gia đình. Mặt khác, anh L còn chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nhiều. Chị T và anh L đã sống ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: chị T và anh L có 01 người con tên là Hà Thị Vân A, sinh ngày 15/3/2015. Sau ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của Hà Thị Vân A; bản sao giấy CMND của Lò Thị T; bản sao CCCD của Hà Tiến L và bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Hà Tiến L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Hà Tiến L đồng thời triệu tập anh L đến Tòa án làm việc nhưng anh L đều vắng mặt. Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương thì gia đình và địa phương cho biết anh L có biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh L thông qua đại diện thôn bản, chính quyền địa phương và niêm yết công khai nhưng anh L không đến để giải quyết vụ án, cố tình lẩn tránh, vi phạm nghĩa vụ đối với chị T.

Tại các biên bản xác minh thể hiện chị Lò Thị T và anh Hà Tiến L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã S, huyện V (nay thuộc thị xã N) đúng như chị T trình bày, quá trình chung sống tại nơi cư trú những năm đầu gia đình anh chị sống hạnh phúc. Nhưng đến đầu năm 2020 vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh L đi làm ăn xa, bản thân anh L có chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nhiều, anh chị đang sống ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2022, chị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Ngày 12/8/2022 chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do đã vi phạm Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị T: Xử cho cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Hà Tiến L; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Hà Thị Vân A, sinh ngày 15/3/2015, chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu A. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: chị Lò Thị T có đơn khởi kiện xin ly

hôn anh Hà Tiến L có hộ khẩu thường trú tại xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

Việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại các Điều 172, 173, 174, 175, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lò Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Tiến L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ đề nghị xét xử vắng mặt Bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lò Thị T và anh Hà Tiến L kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký hôn ngày 10/4/2015 tại UBND xã S, huyện V (nay thuộc thị xã N). Theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do anh L không quan tâm đến vợ con. Mặt khác anh Lực có chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nhiều người, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về con chung*: chị T và anh L có 01 người con tên là Hà Thị Vân A, sinh ngày 15/3/2015. Chị Lò Thị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con sau ly hôn, nguyện vọng của cháu A cũng muốn được ở với mẹ. Do đó cần giao con chung Hà Thị Vân A, sinh ngày 15/3/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu A, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. *Về tài sản chung*: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Hà Tiến L.

2. Về con chung: Giao con Hà Thị Vân A, sinh ngày 15/3/2015 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai số AA/2021/0001200 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Hà Tiến L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Yên Bái;
-VKSND thị xã Nghĩa Lộ;
-CCTHADS thị xã Nghĩa Lộ;
-Các đương sự (2b)
- UBND xã S;
-Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Đặng Quốc Hưng